

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 09/ CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM /2021**

**(TCCS 09:2021/NVL)**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **SỐ 7, ĐƯỜNG 17A , KCN BIÊN HOÀ 2, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

Điện thoại: **02513 -836601**

Fax: **02513-836602**

E-mail.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 12/02/2020

/Nơi cấp: Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Tỉnh Đồng Nai (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm Bổ sung Gerber Organic Gạo Cà Rốt & Cải Bó Xôi**

2. Thành phần: Gạo hữu cơ 94.5%, Cà rốt hữu cơ 2.3%, Cải bó xôi hữu cơ 1.6%, Calci Phosphat Dibasic, Kali iodid, Các vitamin (Vitamin A (Retinyl acetat), D3 (Cholecalciferol) , E (D-alpha-tocopheryl acetat) , C (Acid L-ascorbic), B1 (Thiamin mononitrat), B2 (Riboflavin), Nicotinamid, B6 (Pyridoxin hydroclorid), Acid Folic, B5 (D-pantothenat, calci), B12 (Cyanocobalamin)),

*Bifidobacterium lactis (Bifidus BL)*, Sắt fumarat.

Sản phẩm có thể chứa GLUTEN (từ LÚA MẠCH, LÚA MÌ, YẾN MẠCH), SỮA và ĐẬU NÀNH.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 Tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Khối lượng tịnh: 200 g và 20 g

Sản phẩm đóng trong túi nhựa 20 g – và túi nhựa 200g, sau đó túi nhựa 200g được đựng trong hộp giấy (phù hợp với các quy định an toàn của Bộ Y Tế về bao gói thực phẩm).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Malaysia.

Sản xuất bởi: Nestlé Manufacturing (Malaysia) Sdn. Bhd. – Shah Alam Complex, Jalan Playar 15/1, 40700 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

Nhập khẩu và tự công bố bởi: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, đường 17A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



### III. Mẫu nhãn sản phẩm (có nhãn đính kèm)

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục số 1.10; 2.9; 4.7; 5.7; 3.5; 6.4)

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục số 2.18; 3.18)

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục số 6.5.2)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

...BT..., ngày 20 tháng 01 năm 2021

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



Todd Yates  
Giám Đốc Kỹ Thuật



KT3-10248ATP0

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/12/2020  
Page 01/03

1. Tên mẫu  
*Name of sample* : **THỰC PHẨM BỔ SUNG GERBER ORGANIC GẠO CÀ RỐT VÀ CẢI BÓ XÔI**
2. Mô tả mẫu  
*Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
Mẫu đựng trong hộp giấy, không nhãn hiệu.  
*As received sample is contained in paper box, without label.*
3. Số lượng mẫu  
*Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu  
*Date of receiving* : 30/11/2020
5. Thời gian thử nghiệm  
*Testing duration* : 30/11/2020 - 09/12/2020
6. Nơi gửi mẫu  
*Customer* : **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**  
**138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM**
7. Kết quả thử nghiệm  
*Test results* : Xem trang / *See page 02,03/03*

**P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM**  
**DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB**



**Nguyễn Hữu Tín**

**TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**  
**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /**  
**HEAD OF TESTING LAB.**



**Ngô Quốc Việt**

KT3-10248ATP0

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/12/2020

Page 02/03



7. Kết quả thử nghiệm :  
*Test results*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 <sup>-2</sup>	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 <sup>-2</sup>	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng aflatoxin B1, <i>Aflatoxin B1 content</i>	µg/kg	TCVN 7596 : 2007	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng ochratoxin A, <i>Ochratoxin A content</i>	µg/kg	QTTN/KT3 223 : 2018 ( Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), <i>Deoxynivalenol content</i>	µg/kg	QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MSMS)	20	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng zearalenon, <i>Zearalenon content</i>	µg/kg	QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	6	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng fumonisin (B1 + B2), <i>Fumonisin (B1 + B2) content</i>	µg/kg	QTTN/KT3 161 : 2017	25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng melamin, <i>Melamine content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 051 : 2018 (Ref: TCVN 9048 : 2012)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i>	CFU/g	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 10 <sup>(*)</sup> <i>Less than</i>
7.10. Coliform,	CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10 <sup>(*)</sup> <i>Less than</i>



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*  
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*  
 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
 4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.  
*Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.*  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*



KT3-10248ATP0

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

09/12/2020  
 Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :  
*Test results*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.11. <i>E. Coli</i> , MPN/g	ISO 16649 – 3 : 2015	-	0
7.12. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 <sup>(*)</sup> <i>Less than</i>
7.13. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 <sup>(*)</sup> <i>Less than</i>
7.14. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 <sup>(*)</sup> <i>Less than</i>
7.15. Tổng số nấm men & nấm mốc, <i>Total yeasts &amp; moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 <sup>(*)</sup> <i>Less than</i>

**Ghi chú/ Note:** (\*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.  
*According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*  
 2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*  
 3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*  
 4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.  
*Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.*  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*



MULTISTAR CURVE



**YUNCHENG PLATE-MAKING TECHNOLOGY (M) SDN BHD**

customer : Daibochi	CUSTOMER APPROVAL
file name : Gerber Organic Rice Carrot & Spinach Baby Cereal 20g (VN)	Approval Date:
label size : (W) 200mm x (H) 125mm	INTERNAL
total color : 7	Prepared by : Huai Yin
date : 2021.01.12	version : 3
barcode : 80%	eye/mark : 13mm x 4mm
	+ : 1mm x 1mm x 0.2mm

**COLORS TO USE:**

1 Black	23.0%	2 P 2189C	1.7%	3 P 7739C	62.4%	4 Cyan	3.3%	5 Magenta	3.3%	Transparent
6 Yellow	8.4%	7 White	100%							



\*\*Our Spot Color just for reference. Color adjustment is require during printing for more accurate color effect.  
v2 - use new file.  
v3 - amend arrow and barcode.

